

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2022/HS-ST
Ngày: 07-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ V H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông N V L

2. Bà C T Ph T

- Thư ký phiên tòa: Ông T V Q , Thư ký Tòa án nhân dân huyện T T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T T tham gia phiên tòa: Bà B T T
H - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T T, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Chau Sóc S (Tên gọi khác:Tót), sinh năm 1983. Nơi sinh: huyện T T, tỉnh An Giang.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Tô Th, xã Núi Tô, huyện T T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp Tô Th, xã Núi Tô, huyện T T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chau Sóc (chết) và bà Neáng K; Vợ: Neáng Nh (đã ly hôn), chung sống như vợ chồng với Neáng L có một con chung, sinh năm 2001, chung sống như vợ chồng với Neáng Sóc V có một con chung, sinh năm 2012, anh em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ tư; Tiền án: Ngày 25/01/2014, bị Tòa án nhân dân huyện T T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 27/4/2015; Ngày 28/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện T T xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 28/02/2019; Tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học đến lớp 6 thì nghỉ ở nhà phụ giúp gia đình, lập gia đình và sống bằng nghề làm thuê cho đến ngày phạm tội;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-7-2021 đến nay, bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Minh Tâm, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh An Giang, có mặt.

Địa chỉ: Số 8/18 Lý Thường Kiệt, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bị hại: Ông Chau Ph, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp Ninh Hòa, xã An Tức, huyện T T, tỉnh An Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Vĩnh Th, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp Tân An, xã Tân Lập, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Bà Neáng K, sinh năm 1945. Nơi cư trú: ấp Tô Th, xã Núi Tô, huyện T T, tỉnh An Giang, có mặt;

- Ông Chau H, sinh năm 1991. Nơi cư trú: ấp Tô Hạ, xã Núi Tô, huyện T T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Chau V, sinh năm 1953, có mặt.

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Chau Sông, sinh năm 1947. Cư trú: ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện T T, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ, giữa tháng 11-2020 (không nhớ ngày), Chau Sóc S đi bộ từ nhà đến khu vực ấp Ninh Thạnh, xã An Tức, huyện T T, thấy 01 xe mô tô biển số 67N1 - 01297, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen của Chau Ph dựng tại bờ ruộng, không người trông giữ nên nảy sinh ý định lấy trộm. Khi này, S đến dùng chìa khóa mang theo mở yên xe lấy chìa khóa xe của Ph giấu dưới cốp xe, mở ổ khóa vòng bánh sau xe và lấy trộm xe mô tô 67N1 - 012.97 chạy đi cất giấu tại chùa Núi, thuộc ấp Tô Hạ, xã Núi Tô, huyện T T. Sau đó, S nhờ Chau H liên lạc bán xe cho Trần Vĩnh Th, ngụ ấp Tân An, xã Tân Lập, huyện Tịnh Biên, với giá 2.000.000 đồng, Th nói còn 1.200.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, thì S đồng ý bán xe. Đến ngày 07-6-2021, Th sử dụng xe làm phương tiện đi lại, thì bị Công an phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang phát hiện tạm giữ xe và thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T T. Qua mời làm việc, S khai nhận hành vi lấy trộm xe của Ph.

Ngày 13-7-2021, S bị khởi tố và bắt tạm giam để điều tra.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 xe mô tô biển số 67N1 - 01297, số khung C630BY483788, số máy 5C63-485858, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen (đã trả cho bị hại).

+ Số tiền 2.000.000 đồng (đã chuyển vào tài khoản Kho bạc Nhà nước Tri Tôn)

Tại bản kết luận định giá tài sản số 54 ngày 13/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T T, kết luận: Xe mô tô biển số 67N1 - 012.97, Số khung C630BY483788, số máy 5C63-483838, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, trị giá 7.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Chau Sóc S khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Chau Sóc S đã khai nhận: Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên đã trộm xe của Chau Ph, Khi bán xe mô tô 67N1 - 012.97, bị cáo nói giấy xe bị mất nên không có giao cho Th, H không biết xe do bị cáo trộm cắp mà có và H không hưởng lợi gì từ việc giới thiệu bị cáo bán xe cho Th. Số tiền bán xe bị cáo tiêu xài cá nhân, bị cáo đồng ý bồi thường cho Th số tiền 2.000.000 đồng.

Bị hại Chau Ph có lời khai phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu, ông Ph đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường, yêu cầu xử lý hình sự đối với Chau Sóc S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Neáng K (là mẹ ruột của bị cáo) đã giao nộp 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo, bà không có yêu cầu gì đối với số tiền 2.000.000 đồng.

Trần Vĩnh Th khai: Có mua xe mô tô 67N1 – 012.97, hiệu Yamaha, màu đỏ đen của bị cáo với số tiền 1.200.000 đồng và gá thêm 01 điện thoại di động hiệu OPPO. Sau đó, Th sử dụng làm phương tiện đi lại, thì bị Công an phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên tạm giữ xe. Khi mua xe Th không biết do bị cáo lấy trộm mà có và yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng.

Chau H có lời khai: Khi giới thiệu Th đến chùa Núi gặp bị cáo để mua xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen, thỏa Th giá bán 2.000.000 đồng, thấy Th giao tiền và đưa thêm 01 điện thoại di động hiệu OPPO cho bị cáo, sau đó Th điều khiển xe đi. H không biết xe mô tô do bị cáo trộm cắp mà có và không hưởng lợi từ việc giới thiệu cho bị cáo và Th mua bán xe.

Người làm chứng, ông Chau V khai: Do đi làm ruộng gần nên có nghe Chau Ph nói bị mất xe mô tô.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Bản cáo trạng số 46/CT-VKSTT ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T T truy tố bị cáo Chau Sóc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Chau Sóc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, bản thân bị cáo đã bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản với tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm, chưa được xóa án tích, nay tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên cần phải xử lý nghiêm. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng xem xét đến các tình tiết như: Bị cáo thành khẩn khai báo, tác động gia đình giao nộp tiền khắc phục hậu quả, là người dân tộc Khmer trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Chau Sóc S từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, làm thuê sinh sống, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Chau Ph, người liên quan Néang K không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Ông Trần Vĩnh Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, do Th bỏ ra mua xe của bị cáo, bị cáo đồng ý bồi thường. Nhận thấy yêu cầu của ông Th là phù hợp, đề nghị chấp nhận.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bà Néang Kên nộp khắc phục hậu quả thay bị cáo, hiện đã gửi vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện T T. Đề nghị giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T T quản lý để đảm bảo thi hành án cho ông Trần Vĩnh Th.

Đối với Trần Vĩnh Th, Chau H có hành vi giới thiệu và mua xe mô tô 67N1-012.97 nhưng không biết xe do bị cáo lấy trộm mà có nên Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ.

Người bào chữa cho bị cáo Chau Sóc S trình bày:

Thống nhất với nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị xem thêm, bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cha mất sớm, mẹ già yếu, học vấn thấp nên trình độ nhận thức pháp luật bị hạn chế, từ đó đề

nghe xét xử bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát cũng đảm bảo tính giáo dục, răn đe.

Bị cáo không bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Vì không có tiền tiêu xài nên đã trộm xe của ông Ph với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

[3] Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, đồng thời cũng phù hợp với kết luận định giá tài sản số 54 ngày 13/7/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T T và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình điều tra đã thu thập được. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ, giữa tháng 11/2020 (không nhớ ngày), Chau Sóc S đi từ nhà đến khu vực ấp Ninh Thạnh, xã An Túc, huyện T T, thấy xe mô tô 67N1 – 012.97, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen của ông Chau Ph dựng tại bờ ruộng, không người trông giữ nên đã chiếm đoạt, sau đó đem bán cho Trần Vĩnh Th lấy tiền tiêu xài. Trị giá xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt là 7.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “trộm cắp tài sản”, do trước đó bị cáo đã bị xét xử về tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng tái phạm, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của những người bị hại mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, tạo nên tâm lý lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo là người đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, nhưng vì bản tính tham lam, tư lợi, lười lao động lại muốn có nhiều tiền phục vụ cho nhu cầu bản thân nên bị cáo đã lén lút lấy trộm xe mô tô của Chau Ph để bán lấy tiền tiêu xài. Vì vậy, cần phải áp dụng một chế tài hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo sớm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Nhận thấy, bị cáo thành khẩn khai báo; tác động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Chau Ph, người liên quan Néang K không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Ông Trần Vĩnh Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, do Th bỏ ra mua xe của bị cáo, bị cáo đồng ý bồi thường. Nhận thấy, yêu cầu của ông Th là phù hợp, nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, làm thuê sinh sống, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Trần Vĩnh Th, Chau H có hành vi giới thiệu và mua xe mô tô 67N1-012.97 nhưng không biết xe do bị cáo lấy trộm mà có nên Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bà Néang K nộp khắc phục hậu quả thay bị cáo, hiện đã gửi vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện T T. Nhận thấy, cần phải giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T T quản lý để đảm bảo thi hành án cho ông Trần Vĩnh Th là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo là người Khmer sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Chau Sóc S (Tên gọi khác: Tót) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Chau Sóc S 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 13-7-2021 (ngày mười ba tháng bảy năm hai nghìn không trăm hai mươi một).

Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Trần Vĩnh Th số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), bị cáo đã nộp đủ tiền.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Chau Sóc S được miễn án phí dân sự sơ thẩm và hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T T (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- Cơ quan THAHS, HTTP (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS huyện T T (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đ V H